

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N G
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 15/2024/HSST
Ngày 04/9/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N G, TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ka Phu Bọt

Ông Bớt Xóp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N G, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện N G, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Trương Hồ Phước T (B), Sinh năm 1983; Quê quán Phong Đ, Thừa T H. Nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã Vinh Th, huyện Phú V, tỉnh Thừa T H. Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã Vinh Th, huyện Phú V, tỉnh Thừa Th H. Trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ xây; Con ông Trương Phước Th (Chết) và bà Hồ Thị Tr, có vợ bà Phan Thị Đ, bị cáo có ba con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án; tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 13/02/2006 bị Tòa án quân sự Khu vực 1, Quân Khu 5, Bộ quốc phòng tuyên phạt tù 42 tháng về tội: “Cố ý gây thương tích” theo bản án số: 37/2005/HSST, ngày 11 tháng 01 năm 2006. Ngày 09/5/2008, T đã chấp hành xong hình phạt tù, đối với các phần án phí Hình sự và Dân sự sơ thẩm, T đã chấp hành xong vào ngày 01/01/2006, đối với phần bồi hoàn cho các bị hại số tiền 2.041.600 đồng và bồi hoàn cho Bệnh viện QY17 QK5 số tiền 436.500 đồng, đến nay bị hại vẫn không có đơn yêu cầu, theo quy định, trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Như vậy, đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án, vì vậy tính có lợi cho bị can, đương nhiên được xóa tiền án. Bị cáo tạm giữ từ ngày 10/10/2023 đến ngày 19/10/2023 chuyển giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Hữu T1, Sinh năm 1968; Quê quán: Hương Đ, Thừa T H. Nơi ĐKKHKT: Tổ 1, phường Vĩnh T, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Tổ 42, phường Hòa M, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng, Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Nguyễn Hữu Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (L1), Có vợ bà Phan Thị Xuân Q, và có ba con, con lớn sinh năm

2003, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án; tiền sự: Chưa. Nhân thân: Ngày 24/10/1990, bị Công an thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng xử lý vi phạm hành chính với số tiền 20.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Do thời gian đã lâu nên hồ sơ không còn biên lai nộp phạt. Trong hồ sơ cũng không thể hiện cơ quan chức năng không tiến hành tổ chức xác minh, cưỡng chế thi hành, vì vậy căn cứ Điều 7 và Điều 74 Luật xử phạt vi phạm hành chính thì xác định T1 đã hết thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên xác định không có tiền sự; Ngày 12/9/1992, bị Công an thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng bắt, lập Danh chỉ bản số: 531 về gây rối trật tự công cộng. Không có hình phạt cụ thể; Ngày 07/01/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù theo bản án số: 04/HSST, ngày 07/01/1993, đã chấp hành xong ngày 31/6/1993; Ngày 12/12/2016, bị Công an huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính số tiền: 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 08, ngày 12/12/2016. Do thời gian đã lâu nên hồ sơ không thể hiện biên lai nộp phạt. Trong hồ sơ cũng không thể hiện cơ quan chức năng không tiến hành tổ chức xác minh, cưỡng chế thi hành; Ngày 25/03/2019, bị Công an phường Hòa M, quận Liên C, Đà Nẵng phạt tiền: 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Đã chấp hành xong số tiền phạt vào ngày 14/6/2019. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2023 đến ngày 19/10/2023 chuyển tạm giam. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Tôn Thất V, Sinh năm: 1982; Trú tại: Tổ 43, phường Chính G, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Hoàng S, Sinh năm 1993; Trú tại Tổ 4, thôn Quá G 2, xã Hòa Ph, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

3/ Bà Phan Thị Xuân Q, Sinh năm: 1982; Trú tại Tổ 42, phường Hòa M, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

4/ Bà Phạm Thị Tuyết S1, Sinh năm 2007; Trú tại Tổ 5, thôn Quan N, xã Hòa L, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

5/ Bà Võ Thị B, Sinh năm: 1975; Trú tại Tổ 5, thôn Quan N 4, xã Hòa L, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

6/ Cháu Huỳnh Hà A, Sinh ngày 22/02/2016; Trú tại Tổ 42, phường Hòa M, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp cho người dưới 18 tuổi cháu Huỳnh Hà A là bà Huỳnh Thị Trà Tr, Sinh năm: 1992 (Là mẹ của cháu A) trú tại: K408/H33/03 Trung Nữ Vương, tổ 35, phường Hòa Thuận Đ, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng. Bà Huỳnh Thị Trà Tr ủy quyền cho bà Phan Thị Xuân Q thay bà Tr làm người đại diện cho cháu A. (Có mặt)

Người chứng kiến: Ông Lê Thành Tr1, Sinh năm 1985; Trú tại: Tổ 14, thôn Bình Ph, xã Bình Q, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào ngày 03/10/2023, bị cáo T ngồi uống cà phê với bị cáo T1 tại đường Đào Duy Từ, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Khi cả hai đang ngồi

uống cà phê thì thấy nhiều thanh niên đang hút thứ gì có mùi khét, bị cáo T mới hỏi bị cáo T1 là gì, bị cáo T1 nói là cỏ. Thấy vậy bị cáo T nói với bị cáo T1 “mấy thứ này ở bên Lào nhiều”. Nghe bị cáo T nói vậy, cả hai nảy sinh ý định mua cần sa ở bên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Việt Nam để bán kiếm lời, bị cáo T và bị cáo T1 bàn với nhau, bị cáo T1 sẽ chung tiền để bị cáo T trực tiếp qua bên Lào mua cần sa về Việt Nam, sau khi bán được Cần sa thì lợi nhuận chia đôi.

Sáng ngày 04/10/2023, bị cáo T1 đưa cho bị cáo T số tiền 28.800.000 đồng và lấy xe chở bị cáo T ra bến xe Đà Nẵng để bị cáo T bắt xe khách Hải Vân chạy tuyến Đà Nẵng – Pắc Xế (Lào) qua cửa khẩu quốc tế Nam Giang. Khoảng 14 giờ 00 cùng ngày thì bị cáo T đến huyện Pắc Xế, tỉnh Sê Kông, Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và thuê nhà nghỉ không rõ địa chỉ ở lại đây. Đến ngày 5/10/2023, bị cáo T gặp một người đàn ông Lào khoảng 30 tuổi, không rõ nhân thân, lai lịch và bị cáo T hỏi “Anh có biết chỗ nào bán cần sa không, nếu có thì anh mua dùm cho tôi” nghe vậy người thanh niên Lào trả lời “ Để tôi điện họ xem như thế nào”. Ngày 06/10/2023, bị cáo T cùng người đàn ông Lào bắt xe từ tỉnh Sê Kông đến thành phố Viêng Chăn của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào để mua cần sa. Khoảng 04 giờ 00 ngày 07/10/2023, cả hai người cùng đến thành phố Viêng Chăn và thuê nhà nghỉ không rõ địa chỉ cụ thể ở tại đây, sau đó người đàn ông Lào đi ra ngoài làm gì đi đâu không rõ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì người đàn ông Lào về nhà nghỉ và mang theo cành cây khô dài khoảng 15cm đưa cho bị cáo T xem. Bị cáo T quan sát xong thì gọi Zalo có hình ảnh cho bị cáo T1 xem. Thấy vậy bị cáo T1 nói “nếu là cần sa khô thì lấy về”. Nghe vậy, bị cáo T đồng ý và thỏa thuận giá cả với người đàn ông Lào với giá 1kg Cần sa là 7.000 Bat tiền Thái Lan. Sau đó, bị cáo T báo giá với bị cáo T1 là 4.200.000 đồng/kg Cần sa và mua 05kg thì bị cáo T1 đồng ý. Bị cáo T đưa cho người Lào với số tiền là 35.000 Bat tiền Thái Lan tương đương khoảng 24.000.000 đồng tiền Việt Nam. Sau đó người đàn ông này đi ra ngoài và đi đâu không rõ. Đến khoảng 0 giờ 00, ngày 08/10/2023, người đàn ông Lào về đến nhà nghỉ và gọi cho bị cáo T ra trước nhà nghỉ rồi giao cho bị cáo T 05 bánh cần sa ép khô, bị cáo T nhanh chóng nhận 05 bánh cần sa mang vào phòng nghỉ của mình rồi bỏ vào túi vải, thu dọn hành lý và trả lại phòng cùng người thanh niên Lào đón xe về lại tỉnh Sê Kông. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, bị cáo T về đến tỉnh Sê Kông và ngủ lại tại một nhà nghỉ không rõ địa chỉ. Đến khoảng 08h00, ngày 09/10/2023, bị cáo T mua hai thùng xốp để đựng 05 bánh cần sa vào thùng rồi dán lại. Đến 8 giờ 45 phút cùng ngày, bị cáo T nhờ một người Lào không rõ nhân thân, lai lịch chở đến cầu Sê Kông, tỉnh Sê Kông, Lào để đón xe khách Hải Vân chạy tuyến Pắc Xế - Đà Nẵng về Việt Nam. Hai thùng xốp để Cần sa bị cáo T bỏ vào phía sau xe còn bị cáo T ngồi phía trước. Đến khoảng 14 giờ 00 cùng ngày, khi xe về đến cửa khẩu Nam Giang thì bị lực lượng Biên phòng và Hải Quan Quảng Nam bắt giữ. Kiểm tra bên trong có 05 bánh hình hộp chữ nhật, kích thước không đồng nhất, chiều dài mỗi bánh khoảng 22cm, chiều rộng mỗi bánh khoảng 16cm, chiều cao mỗi bánh khoảng 4,5cm. Bên ngoài mỗi bánh được quấn bằng băng keo không màu. Bên trong mỗi bánh có chứa lá và thân cây khô được ép chặt. Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời khai nhận hành vi của bị cáo T1. Quá trình điều tra, bị cáo T1 cũng thừa nhận hành vi của mình đã bàn bạc, chuẩn bị tiền, chở bị cáo T ra bến xe Đà Nẵng để bị cáo T bắt xe

qua Lào, xác nhận cả hai hứa hẹn với nhau sau khi bị cáo T mua Cần sa về Việt Nam, sẽ bán mục đích kiếm lời và cả hai sẽ chia đôi số tiền lời này.

Tại bản Kết luận giám định số 163/KL-KTHS(MT) ngày 16/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam đã kết luận: Trong 05 (năm) mẫu thực vật khô màu nâu (dạng cành, lá, hoa) được ép 05 (năm) khối hình hộp chữ nhật gửi giám định (mẫu ký hiệu từ A1 đến A5) có chứa chất ma túy loại Delta-9-tetrahydrocannabinol (Delta-9-THC). Ngoài ra, còn tìm thấy chất Canabinol. (Ghi chú: Delta-9-tetrahydrocannabinol và Canabinol là các hoạt chất chính có trong cây Cần sa); Mẫu ký hiệu A1 có khối lượng là 980g (chín trăm tám mươi gam); Mẫu ký hiệu A2 có khối lượng là 1000g (một nghìn gam); Mẫu ký hiệu A3 có khối lượng là 990g (chín trăm chín mươi gam); Mẫu ký hiệu A4 có khối lượng là 990g (chín trăm chín mươi gam); Mẫu ký hiệu A5 có khối lượng là 1000g (một nghìn gam).

Vật chứng thu giữ gồm: Một thùng xốp dán niêm phong bằng băng dính màu đỏ và giấy niêm phong màu trắng, kèm theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận đối tượng sau giám định (Mẫu ký hiệu A1 có khối lượng là 960g; Mẫu ký hiệu A2 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A3 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A4 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A5 có khối lượng là 980g); 01 (Một) phong bì niêm phong bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen đã qua sử dụng, có gắn sim số 0377867747 và số sim Untel 8945703002141997855; 01 (Một) phong bì niêm phong bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, không có thẻ sim; 01 (Một) CCCD mang tên Trương Hồ Phước T số: 046083014548 do CCSQLHC về TTXH cấp ngày 26/05/2023; 01 (Một) Hộ chiếu mang tên Trương Hồ Phước T, số hộ chiếu Q 00296983 cấp ngày 21/05/2023, nơi cấp TLSQ Việt Nam tại Pắc Xế/Lào; 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh dương đã qua sử dụng, bên trong có sim số 0763582646; 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đỏ trắng đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim; 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu vàng đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong có thẻ sim số 0935494458; 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim; 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím màu đỏ đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim; 01 (Một) máy tính xách tay, màu đen hiệu DELL, không có pin, đã qua sử dụng, không xác định được giá trị và 01 dây sạc máy tính; 02 (Hai) thùng xốp màu trắng có quần băng keo màu vàng.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSNG ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N G thì các bị cáo Trương Hồ Phước T và Nguyễn Hữu T1 bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, g khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt:

Bị cáo Trương Hồ Phước T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Hữu T1 từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử

tuyên: Một thùng xốp dán niêm phong bằng băng dính màu đỏ và giấy niêm phong màu trắng, kèm theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận đối tượng sau giám định (Mẫu ký hiệu A1 có khối lượng là 960g; Mẫu ký hiệu A2 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A3 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A4 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A5 có khối lượng là 980g) và Hai thùng xốp màu trắng có quấn băng keo màu vàng.

Đối với các thẻ sim số 0377867747 và số sim Untel 8945703002141997855, sim số 0763582646, sim số 0935494458 các bị cáo không dùng các sim này để liên lạc vào việc mua bán ma túy nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 CCCD mang tên Trương Hồ Phước T số: 046083014548 do CCSQLHC về TTXH cấp ngày 26/05/2023 và 01 Hộ chiếu mang tên Trương Hồ Phước T, số hộ chiếu Q00296983 cấp ngày 21/05/2023, nơi cấp TLSQ Việt Nam tại Pắc Xế/Lào là giấy tờ tùy thân của T đề nghị trả lại cho Trương Hồ Phước T theo quy định.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh dương đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đỏ trắng đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu vàng đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong có thẻ, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím màu đỏ đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim, 05 chiếc điện thoại này bị cáo T1 không sử dụng vào việc mua bán ma túy nên trả lại cho bị cáo T1.

Đối với một phong bì niêm phong bên trong có một điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen đã qua sử dụng đây là điện thoại bị cáo T sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy nên đề nghị tịch thu sung quỹ.

Đối với một phong bì niêm phong bên trong có một điện thoại di động hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, không có thẻ sim đây là điện thoại mà bị cáo T1 có sử dụng zalo Quy Nguyen để liên lạc mua bán ma túy với bị cáo T, tuy nhiên điện thoại này là của bà Huỳnh Thị Trà Tr là mẹ của Huỳnh Hà A mua cho cháu Hà A để sử dụng trong việc học, cháu Hà A không biết bị cáo T1 sử dụng Zalo liên quan đến việc mua bán ma túy nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Một máy tính xách tay, màu đen hiệu DELL, không có pin, đã qua sử dụng, không xác định được giá trị và một dây sạc máy tính đây là tài sản của bà Huỳnh Thị Trà Tr mẹ cháu Huỳnh Hà A, không liên quan đến hành vi mua bán ma túy của bị cáo T1 và bị cáo T nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo T và T1 khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Các bị cáo không có ý kiến gì về kết luận điều tra và quyết định truy tố. Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, tại phiên tòa các bị cáo T và T1 không có tranh luận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Tại phiên tòa, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. HĐXX căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét về hành vi phạm tội bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo T và T1 thừa nhận vào ngày 03/10/2023, bị cáo T và bị cáo T1 bàn bạc nhau với nhau mua cần sa ở bên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Việt Nam để bán kiếm lời, bị cáo T1 sẽ bỏ tiền ra để bị cáo T trực tiếp qua bên Lào mua cần sa về Việt Nam, sau đó lợi nhuận chia đôi. Ngày 04/10/2024, bị cáo T qua Lào liên hệ với 01 người Lào không rõ nhân thân lai lịch để mua 05 kg Cần sa với giá 35.000 Bạt tiền Thái Lan tương đương khoảng 24.000.000 đồng tiền Việt Nam. Ngày 09/10/2023, bị cáo T đóng gói 05 kg Cần sa vào 02 thùng xốp và bắt xe Hải Vân về Việt Nam. Khi đến Trạm kiểm soát Cửa khẩu quốc tế Nam Giang thuộc xã La D, huyện N G, tỉnh Quảng Nam thì bị lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo T và thu giữ toàn bộ tang vật. Qua đấu tranh đã tạm giữ và thu giữ các tài liệu liên quan đến bị cáo T1. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua các biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 09/10/2023 và tại bản Kết luận giám định số 163/KL-KTHS (MT) ngày 16/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam đã kết luận: Trong 05 (năm) mẫu thực vật khô màu nâu (dạng cành, lá, hoa) được ép 05 (năm) khối hình hộp chữ nhật gửi giám định (mẫu ký hiệu từ A1 đến A5) có chứa chất ma túy loại Delta-9-tetrahydrocannabinol (Delta -9 -THC). Ngoài ra, còn tìm thấy chất Canabinol. (Ghi chú: Delta-9-tetrahydrocannabinol và Canabinol là các hoạt chất chính có trong cây Cần sa).

- + Mẫu ký hiệu A1 có khối lượng là 980g (chín trăm tám mươi gam).
- + Mẫu ký hiệu A2 có khối lượng là 1000g (một nghìn gam).
- + Mẫu ký hiệu A3 có khối lượng là 990g (chín trăm chín mươi gam).
- + Mẫu ký hiệu A4 có khối lượng là 990g (chín trăm chín mươi gam).
- + Mẫu ký hiệu A5 có khối lượng là 1000g (một nghìn gam).

Theo Điều 3 Luật phòng chống ma túy nghiêm cấm các hành vi trái phép về ma túy và theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ thì Cần Sa là chất ma túy nằm trong danh mục I, các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội. Các bị cáo không nghiện ma túy tuy nhiên vì mục đích lợi nhuận cao mà các bị cáo T và T1 đã bất chấp các quy định của pháp luật mua ma túy từ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Việt Nam bán cho những người nghiện có nhu cầu mua. Do đó hành vi của các bị cáo T và T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, g khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

[3.1] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo T và T1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo T và T1 cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, các bị cáo cũng nhận thức được hành vi Mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song với mong muốn kiếm lợi nhuận cao mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm, các bị cáo mua ma túy bán kiếm lời với trọng lượng khi bị bắt quả tang là 5kg cần sa nhằm mục đích mua bán. Trong vụ án bị cáo T là người khởi sự, rủ rê bị cáo T, bị cáo T1 tham gia với vai trò giúp sức tích cực Hội đồng xét xử xét thấy trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn một thời gian nhất định, đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp nhằm tiếp tục răn đe, giáo dục, cải tạo tốt các bị cáo.

[3.2] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T và T1 có nhân thân xấu. Bị cáo T ngày 13/02/2006 bị Tòa án quân sự Khu vực 1, Quân Khu 5, Bộ quốc phòng tuyên phạt tù 42 tháng về tội: “Cố ý gây thương tích” theo bản án số: 37/2005/HSST, ngày 11 tháng 01 năm 2006. Ngày 09/5/2008, T đã chấp hành xong hình phạt tù, đối với các phần án phí Hình sự và Dân sự sơ thẩm, T đã chấp hành xong vào ngày 01/01/2006, đối với phần bồi hoàn cho các bị hại số tiền 2.041.600 đồng và bồi hoàn cho Bệnh viện QY17 QK5 số tiền 436.500 đồng, đến nay bị hại vẫn không có đơn yêu cầu, theo quy định, trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Như vậy, đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án, vì vậy tính có lợi cho bị can, đương nhiên được xóa tiền án.

Bị cáo T1 ngày 24/10/1990, bị Công an thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng xử lý vi phạm hành chính với số tiền 20.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Do thời gian đã lâu nên hồ sơ không còn biên lai nộp phạt. Trong hồ sơ cũng không thể hiện cơ quan chức năng không tiến hành tổ chức xác minh, cưỡng chế thi hành, vì vậy căn cứ Điều 7 và Điều 74 Luật xử phạt vi phạm hành chính thì xác định T1 đã hết thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên xác định không có tiền sự; Ngày 12/9/1992, bị Công an thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng bắt, lập Danh chỉ bản số: 531 về gây rối trật tự công cộng. Không có hình phạt cụ thể; Ngày 07/01/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù theo bản án số: 04/HSST, ngày 07/01/1993, đã chấp hành xong ngày 31/6/1993; Ngày 12/12/2016, bị Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính số tiền: 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 08, ngày 12/12/2016. Do thời gian đã lâu nên hồ sơ không thể hiện biên lai nộp phạt. Trong hồ sơ cũng không thể hiện cơ quan chức năng không tiến hành tổ chức xác minh, cưỡng chế thi hành, Vì vậy căn cứ Điều 7 và Điều 74 Luật xử phạt vi phạm hành chính thì xác định T1 đã hết thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt

vi phạm hành chính nên xác định không có tiền sự; Ngày 25/03/2019, bị Công an phường Hòa M, quận Liên C, Đà Nẵng phạt tiền: 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Đã chấp hành xong số tiền phạt vào ngày 14/6/2019.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T và T1, trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân các bị cáo là lao động chính hiện đang nuôi con nhỏ, các bị cáo chưa học hết phổ thông nên nhận thức hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi lượng hình đối với các bị cáo.

[4] Tại phiên tòa các bị cáo trình bày:

Bị cáo T1 trình bày bị cáo có một con nhỏ tên Nguyễn Hữu L, sinh năm 2006 bị bệnh khuyết tật thần kinh tâm thần mức độ khuyết tật nặng và hiện đang chăm mẹ già là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1935. Bị cáo T trình bày gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo tại xã, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Những vấn đề liên quan trong vụ án:

[5.1] Đối với người đàn ông ở Lào đi mua cần sa cho bị cáo T không xác định được nhân thân lai lịch của người đàn ông này. Nên Cơ quan CSĐT tiếp tục trao đổi thông tin thông qua hợp tác Quốc tế về phòng chống ma túy với nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào và sẽ xem xét xử lý khi đảm bảo đủ các yếu tố.

[5.2] Đối với người đàn ông ở Lào chở bị cáo Tú đi từ nhà nghỉ đến cầu Sê Kông để bắt xe về Việt Nam không rõ nhân thân lai lịch và cũng không biết bị cáo T có Cần sa nên không có cơ sở xem xét, xử lý.

[5.3] Đối với việc vận chuyển hành khách và hàng hóa của nhà xe Hải Vân không biết việc bị cáo T cất giấu ma túy trong ba lô nên không xem xét trách nhiệm đối với lái xe Tôn Thất V và phụ xe Nguyễn Hoàng S.

[5.4] Đối với cháu Huỳnh Hà A, là cháu nội của bị cáo T1, do bị cáo T1 không biết chữ và không biết sử dụng điện thoại thông minh nên có nhờ cháu Hà A nhắn tin trả lời với bị cáo T về việc mua Cần sa ở Lào. Tuy nhiên, cháu Hà A mới sinh năm 2015, còn nhỏ không nhận thức được nội dung tin nhắn của bị cáo T1 và bị cáo T liên quan đến việc gì, chỉ nhắn nội dung “ok”. Đồng thời bị cáo T1 cũng không sử dụng cháu Hà A vào việc thực hiện hành vi phạm tội mà chỉ nhờ liên hệ nhắn tin nên không có cơ sở xử lý bị cáo Tấn và cháu Hà A.

[5.5] Đối với bà Phạm Thị Tuyết S là người cho bị cáo T1 mượn xe đi cầm cố, bị cáo T1 có hỏi bà S cầm xe để đi làm ăn không nói rõ là làm gì, bà S cũng không biết bị cáo T1 mua bán Cần sa nên không có cơ sở để xử lý bà S.

[5.6] Đối với bà Võ Thị B là mẹ của bà Phạm Thị Tuyết S, là chủ sở hữu của chiếc xe máy Hoda Vison biển kiểm soát 43K1-638.93, bà B đưa xe máy cho con gái để làm phương tiện đi lại, việc bà S cho bị cáo T1 mượn xe để cầm cố làm ăn bà B cũng biết, nhưng không biết về việc bị cáo T1 mua Cần sa vì vậy không có cơ sở để xem xét xử lý với bà B.

[5.7] Đối với bà Phan Thị Xuân Q là vợ của bị cáo T1, bà Q không biết việc bị cáo T1 và bị cáo T bàn bạc nhau mua Cần sa, bị cáo T1 không nói cho bà Q biết. Việc bà Q đưa điện thoại sim số 0763.582.646 có đăng kí tài khoản Zalo của tên Quy

Nguyen cho bị cáo T1 sử dụng đã lâu và bà Q cũng không sử dụng số điện thoại và tài khoản Zalo trên nữa, nên không có cơ sở để xem xét xử lý bà Q.

[6] Tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N G về Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) HĐXX xét thấy, các bị cáo T và T1 có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng năm 2015 Hội đồng xét xử tuyên: tịch thu tiêu hủy một thùng xốp dán niêm phong bằng băng dính màu đỏ và giấy niêm phong màu trắng, kèm theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận đối tượng sau giám định (Mẫu ký hiệu A1 có khối lượng là 960g; Mẫu ký hiệu A2 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A3 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A4 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A5 có khối lượng là 980g). Hai thùng xốp màu trắng có quấn băng keo màu vàng.

Đối với các thẻ sim số 0377867747 và số sim Untel 8945703002141997855 bị cáo T sử dụng liên lạc việc mua ma túy nên tịch thu tiêu hủy, đối với sim số 0763582646, sim số 0935494458 bị cáo T1 không dùng các sim này để liên lạc vào việc mua bán ma túy nên trả lại cho bị cáo T1.

Đối với 01 CCCD mang tên Trương Hồ Phước T số: 046083014548 do CCSQLHC về TTXH cấp ngày 26/05/2023 và 01 Hộ chiếu mang tên Trương Hồ Phước T, số hộ chiếu Q 00296983 cấp ngày 21/05/2023, nơi cấp TLSQ Việt Nam tại Pắc Xế/Lào là giấy tờ tùy thân của T nên trả lại cho Trương Hồ Phước T.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh dương đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đỏ trắng đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu vàng đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong có thẻ sim, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen bàn phím màu đỏ đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim, năm chiếc điện thoại này bị cáo T1 không sử dụng vào việc mua bán ma túy nên trả lại cho bị cáo T1.

Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen đã qua sử dụng đây là điện thoại T sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy nên tuyên tịch thu sung quỹ.

Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, không có thẻ sim đây là điện thoại mà bị cáo T1 có sử dụng zalo Quý Nguyen để liên lạc mua bán ma túy với bị cáo T, tuy nhiên điện thoại này là của bà Huỳnh Thị Trà Tr là mẹ của Huỳnh Hà A mua cho Hà A để sử dụng trong việc học tập, cháu Hà A không biết bị cáo T1 sử dụng Zalo liên quan đến việc mua bán ma túy nên tuyên trả lại cho bà Huỳnh Thị Trà Tr.

Một máy tính xách tay, màu đen hiệu DELL, không có pin, đã qua sử dụng, không xác định được giá trị và một dây sạc máy tính đây là tài sản của bà Huỳnh Thị

Trà Tr mua cho cháu Hà A dùng học tập, không liên quan đến hành vi mua bán ma túy của các bị cáo T1 và T nên tuyên trả lại bà Huỳnh Thị Trà Tr.

Đối với một phong bì niêm phong bên trong có một USB nhãn hiệu Kingston dung lượng 2GB bên trong có hai nội dung thư thoại liên quan việc trao đổi thông tin của các bị cáo T và T1 về mua bán ma túy nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm a, g khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Trương Hồ Phước T và Nguyễn Hữu T1.

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Hồ Phước T, Nguyễn Hữu T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trương Hồ Phước T 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 10/10/2023.

Xử phạt Nguyễn Hữu T1 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 10/10/2023.

Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy một thùng xốp dán niêm phong bằng băng dính màu đỏ và giấy niêm phong màu trắng, kèm theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận đối tượng sau giám định (Mẫu ký hiệu A1 có khối lượng là 960g; Mẫu ký hiệu A2 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A3 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A4 có khối lượng là 980g; Mẫu ký hiệu A5 có khối lượng là 980g). Hai thùng xốp màu trắng có quấn băng keo màu vàng.

Tuyên tịch thu sung quỹ đối với một phong bì niêm phong bên trong có một điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen đã qua sử dụng.

Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với các thẻ sim số 0377867747 và số sim Untel 8945703002141997855.

Tuyên trả lại cho Trương Hồ Phước T một CCCD mang tên Trương Hồ Phước T số: 046083014548 do CCSQLHC về TTXH cấp ngày 26/05/2023 và Một Hộ chiếu mang tên Trương Hồ Phước T, số hộ chiếu Q 00296983 cấp ngày 21/05/2023, nơi cấp TLSQ Việt Nam tại Pắc Xé/Lào.

Truyền trả lại cho bị cáo T1 một điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh dương đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong có sim số 0763582646, một điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đỏ trắng đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim, một điện thoại di động hiệu NOKIA, màu vàng đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong có thẻ sim 0935494458, một điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim, một điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen bàn phím màu đỏ đã qua sử dụng, không xác định giá trị, bên trong không có thẻ sim.

Tuyên trả lại cho bà Huỳnh Thị Trà Tr một điện thoại di động hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, không có thẻ sim được niêm phong trong một phong bì niêm phong và một máy tính xách tay, màu đen hiệu DELL, không có pin, đã qua sử dụng, không xác định được giá trị và một dây sạc máy tính.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện N G quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/5/2024).

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án một phong bì niêm phong bên trong có một USB nhãn hiệu Kingston dung lượng 2GB.

Về án phí Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trương Hồ Phước T và Nguyễn Hữu T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Phòng HSNV CA.Quảng Nam
- Đội Tổng hợp Công an Nam Giang;
- Phòng HSNV Sở Tư Pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ, án văn.
- Thi hành án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Nguyễn Nam Trung

